

# Xuất khẩu giáo dục đại học trên thế giới và hướng đi cho Việt Nam

## Đoàn Thị Thanh Hòa

Email: hoaddt@ueh.edu.vn  
Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh  
Số 01B Nguyễn Trung Trực, Phường 8,  
thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Xuất khẩu giáo dục là một lĩnh vực mới phát triển trong thương mại quốc tế, trong đó có giáo dục đại học. Rất nhiều các quốc gia phát triển trên thế giới đã có nguồn thu quan trọng từ xuất khẩu giáo dục đại học với nhiều hình thức hợp tác khác nhau. Thời gian qua, các trường đại học tại Việt Nam đã nỗ lực để nâng cao chất lượng trong giảng dạy, nghiên cứu và đạt được sự công nhận của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới để từng bước đẩy mạnh xuất khẩu giáo dục đại học. Có thể thấy, xuất khẩu giáo dục mà nước ta cung cấp có lợi thế đặc biệt về một số mặt nhưng lại kém xa các nước phát triển trong lĩnh vực này. Bài viết phân tích những khía cạnh liên quan đến mô hình xuất khẩu giáo dục đại học của các nước trên thế giới, qua đó đề xuất những hướng đi phù hợp cho Việt Nam trong thời gian tới.

**TỪ KHÓA:** Xuất khẩu giáo dục, giáo dục đại học, thế giới, Việt Nam.

→ Nhận bài 01/12/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/12/2022 → Duyệt đăng 25/02/2023.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310202>

## 1. Đặt vấn đề

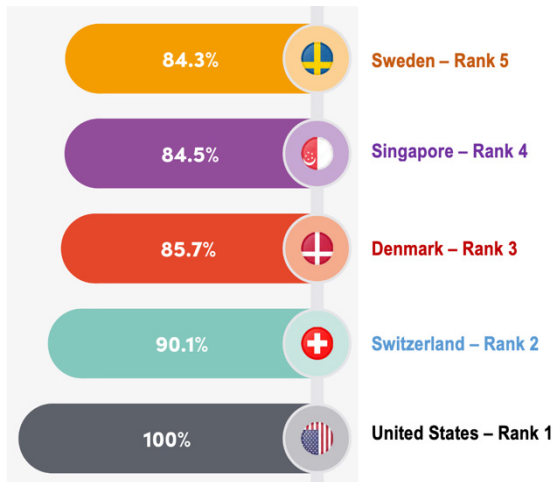
Giáo dục được WTO xác định là một ngành dịch vụ. Theo hệ thống phân loại dịch vụ của GATS (General Agreement on Trade in Services), dịch vụ giáo dục là ngành dịch vụ thứ 5 (12 ngành dịch vụ) và được chia làm 5 phân ngành: Dịch vụ giáo dục tiểu học, dịch vụ giáo dục trung học, dịch vụ giáo dục đại học, dịch vụ giáo dục người lớn và các dịch vụ giáo dục khác. Trong đó, giáo dục đại học là dịch vụ giáo dục bậc cao, là bậc học mà trong nền kinh tế tri thức hiện đại để các nước nhìn vào đó đánh giá sự phát triển giáo dục của một dân tộc, một quốc gia. Trong nhiều thập kỉ, mối liên hệ giữa giáo dục và tăng trưởng kinh tế đã được nghiên cứu rộng rãi, đầu tư vào giáo dục đã có những tác động tích cực vì nó giúp các cá nhân và quốc gia phát triển bản thân hơn nữa (OECD, 2012). Chính vì thế, rất nhiều các quốc gia trên thế giới đã có nhiều chính sách đầu tư vào phát triển giáo dục, đặc biệt là các quốc gia kém phát triển. Sự tiến bộ của các nền kinh tế Đông Nam Á trong những năm gần đây cho thấy mối quan hệ cộng sinh mạnh mẽ giữa giáo dục đại học, đổi mới và tăng trưởng kinh tế (World Bank, 2012). Đối với những nước có hệ thống giáo dục hoàn thiện, dịch vụ giáo dục đại học đã là một ngành kinh doanh chính (Úc, Canada, New Zealand, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ) khi mang lại nguồn thu rất lớn trong nhiều thập kỉ. Xuất khẩu giáo dục là một giao dịch kinh doanh có chủ đích liên quan đến bằng cấp, thực hành giáo dục, dịch vụ và tài liệu từ quốc gia này sang quốc gia khác [1]. Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và những bất ổn về chính trị, kinh tế, đại dịch COVID-19 đã và đang tác

động đến hoạt động xuất khẩu giáo dục tại các quốc gia lớn trên thế giới. Việc cung cấp dịch vụ giáo dục xuyên biên giới có thể tăng nhanh trong tương lai thông qua việc sử dụng các công nghệ thông tin mới cho đào tạo từ xa và lúc này, xuất khẩu giáo dục sẽ được thực hiện với các mô hình phù hợp. Với nhiều yếu tố thuận lợi về chính trị, kinh tế, đặc biệt là sự đổi mới của các trường đại học đã đưa Việt Nam trở thành điểm đến cho các sinh viên quốc tế. Hình thức hợp tác giữa các trường đại học là hướng đi mới, tiên phong, có ý nghĩa trong việc đa dạng hóa các mô hình giáo dục đào tạo, từ đó góp phần vào quá trình đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, mở ra mô hình “xuất khẩu” giáo dục đại học Việt Nam trong tương lai.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mô hình xuất khẩu giáo dục đại học của các quốc gia trên thế giới

Xuất khẩu giáo dục là một khái niệm không rõ ràng. Thuật ngữ “xuất khẩu giáo dục”, như một từ ghép của các khái niệm “giáo dục” và “xuất khẩu”, cả hai từ đều có nguồn gốc từ tiếng Latinh và ý nghĩa của chúng vẫn khá gần với nguồn gốc từ nguyên của chúng (giáo dục: Educationatio (Nuôi dưỡng, nuôi dạy, nuôi dạy), educationo (Tôi giáo dục, tôi đào tạo); export: exportare (mang ra ngoài)). Mỗi khái niệm đại diện cho một lĩnh vực khác nhau của xã hội, trong khi giáo dục thường được hiểu là một lĩnh vực nhân đạo thì xuất khẩu là một thuật ngữ do lĩnh vực kinh doanh đặt ra. Thuật ngữ xuất khẩu giáo dục là sự kết hợp của cả hai.



(Nguồn: U21\_Rankings Report, 2022)

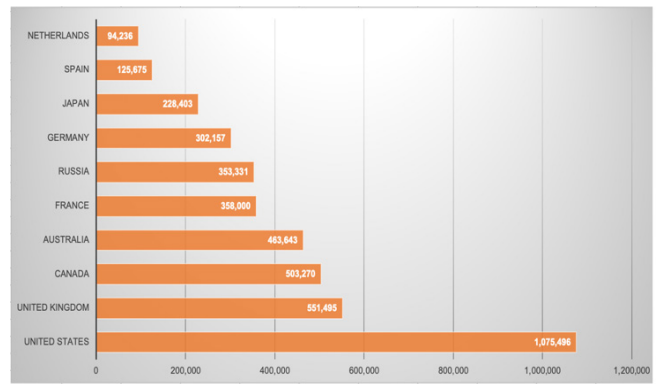
Hình 1: Top 5 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất năm 2020

Bảng xếp hạng hệ thống giáo dục đại học quốc gia được thực hiện dưới sự bảo trợ của nhóm các trường đại học Universitas 21 (U21) đã phân tích dữ liệu và xếp hạng 50 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất (xem Hình 1). Các chỉ số được sử dụng trong việc xếp hạng các hệ thống quốc gia phải phản ánh mục tiêu của giáo dục đại học, bao gồm giáo dục và đào tạo người dân của một quốc gia, đóng góp vào sự đổi mới thông qua nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi cho sự kết nối giữa các cơ sở giáo dục đại học và các bên liên quan bên ngoài, cả trong nước và nước ngoài. Kết quả phân tích cho thấy, một hệ thống giáo dục đại học tốt sẽ bao gồm một loạt các yếu tố đi kèm để đáp ứng mong muốn cá nhân và nhu cầu quốc gia.

a. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là một trong những quốc gia hàng đầu thu hút rất nhiều sinh viên đến từ các khu vực khác nhau trên thế giới (xem Hình 2). Hàng triệu sinh viên từ Ấn Độ và trên toàn cầu di cư đến Hoa Kỳ để theo đuổi giáo dục đại học nhằm nâng cao cơ hội nghề nghiệp của họ. Hệ thống giáo dục được cấu trúc hợp lý, chất lượng cao, đội ngũ giảng viên nổi tiếng thế giới và cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất hiện đại trở thành những yếu tố then chốt thu hút người học. Với nhiều trường đại học nằm trong bảng xếp hạng tốt nhất thế giới như Đại học Harvard, Đại học Pennsylvania, Đại học Stanford,.. đã góp phần tăng số lượng sinh viên nước ngoài đăng kí nhập học giáo dục đại học của Hoa Kỳ đã tăng hơn 300% trong giai đoạn từ năm 1980 đến nay.

Sự thu hút với những thế mạnh sẵn có và hội nhập của sinh viên nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc và Ấn Độ đã làm thay đổi toàn cảnh giáo dục đại học của Hoa Kỳ. Theo dữ liệu mới nhất do Cục Phân tích Kinh tế của Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố, xuất khẩu dịch vụ giáo dục đứng thứ 6 trong số xuất khẩu dịch vụ vào năm 2020 khi đón hơn một triệu sinh viên và tạo ra doanh thu 44



(Nguồn: Statista, 2022)

Hình 2: Điểm đến hàng đầu của sinh viên quốc tế trên toàn thế giới vào năm 2020

ti đô la. Các trường đại học Hoa Kỳ đã tận dụng những luồng sinh viên nước ngoài này, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, khi nhiều trường mất các nguồn thu khác. Tuy nhiên, COVID-19 đang gây ra một “làn sóng gián đoạn như thủy triều đối với lĩnh vực giáo dục đại học” (MacIntosh 2020), dẫn đến bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu ‘thay đổi đáng kể’ do sự lây lan của virus (Quacquarelli Symonds 2020). Hơn 1,6 tỉ sinh viên đã bị ảnh hưởng, chiếm 91% tổng số sinh viên trên toàn thế giới (DeVaney et al. 2020). Dịch vụ giáo dục đại học tại Hoa Kỳ cũng bị ảnh hưởng nặng nề khi số lượng tuyển sinh quốc tế mới giảm 43%. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học được Hoa Kỳ đổi mới với các hình thức phù hợp trong thời kỳ mới, như sau:

1/ Nhận thấy nhu cầu học trực tuyến đã tăng vọt, vào khoảng 644%/năm (DeVaney et al. 2020), các cơ sở giáo dục đại học thích ứng để chuyển đổi nhanh chóng sang một mô hình mới cho giáo dục quốc tế: Chuyển từ mô hình nhập khẩu sang mô hình xuất khẩu giáo dục (với 1/5 sinh viên quốc tế tại các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ và hơn một nửa số sinh viên mới học trực tuyến từ quê nhà). Sau hơn một năm học từ xa, cả giáo sư và sinh viên đều cảm thấy thoải mái hơn với giáo dục trực tuyến. Nhiều chương trình kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến hơn có thể rút ngắn thời gian sinh viên cần ở Hoa Kỳ, từ đó giảm bớt được gánh nặng chi phí cho sinh viên.

2/ Triển khai mô hình xuất khẩu mới “Quan hệ đối tác sâu, xuyên biên giới giữa các tổ chức đang được xúc tiến mạnh mẽ”. Mô hình hợp tác sâu rộng này có thể được coi là một phần của cái thường được gọi là giáo dục xuyên quốc gia (TNE) và cụ thể là giáo dục đại học xuyên quốc gia. Trong mô hình mới này, một trường đại học Hoa Kỳ hợp tác với một tổ chức nước ngoài để tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục sau trung học của địa phương bằng cách tích hợp các dịch vụ giáo dục, thực hiện các dự án nghiên cứu chung và hợp tác trong các dự án với các tập đoàn địa phương, các tổ chức phi

chính phủ và các tổ chức chính phủ. Mô hình đó có thể hứa hẹn đối với các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ, cho phép họ tận dụng danh tiếng của mình để tăng số lượng đăng kí, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận với nền giáo dục chất lượng cao ở các quốc gia có ít lựa chọn sau trung học hơn. Đối với nhiều người học trên khắp thế giới, việc có bằng cấp phù hợp với địa phương và bằng của Hoa Kỳ sẽ là một yếu tố khác biệt đặc biệt mạnh mẽ trong thị trường việc làm. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các chương trình giáo dục đại học của Hoa Kỳ mang lại lợi ích cho nước sở tại bằng cách xây dựng năng lực địa phương và cơ sở hạ tầng giáo dục; giảm lưu lượng sinh viên trong nước ra nước ngoài, kéo theo tình trạng chảy máu chất xám và tài chính liên quan;... Chính vì thế, dù cho việc tuyển sinh tại Hoa Kỳ đang giảm sút nhưng những chương trình liên kết đã và đang mang lại nguồn thu nhập lớn cho hoạt động xuất khẩu giáo dục đại học.

*b. Phần Lan*

Phần Lan là một quốc gia có phúc lợi xã hội ở Bắc Âu với dân số ước tính khoảng 5,5 triệu người. Thứ hạng cao và kết quả đặc biệt trong các nghiên cứu PISA của OECD đã khiến Phần Lan nổi tiếng với hệ thống giáo dục của mình, và từ đầu những năm 2000, quốc gia này đã được ca ngợi là “siêu cường quốc về giáo dục” (BBC, 2007). Kể từ sự thay đổi mô hình toàn cầu gần đây trong việc quản lí giáo dục theo hướng kinh doanh và tiếp thị (xem Baker & Wiseman, 2005; Martens và cộng sự, 2014; van der Wende, 2007), giáo dục cạnh tranh quốc tế ngày càng được coi là tài sản của các chính phủ. Do đó, các chính phủ đã bắt đầu đầu tư vào việc xây dựng thương hiệu giáo dục và tiếp thị hệ thống giáo dục của họ (Hemsley - Brown & Oplatka, 2006; Maringe & Gibbs, 2009). Các chính sách gần đây của Phần Lan đã khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học xuất khẩu giáo dục đại học ra nước ngoài bằng nhiều hình thức khác nhau.



(Nguồn: Cheikh, 2015)

Hình 3: Quy trình thực hiện xuất khẩu giáo dục tại Phần Lan

Sự đa dạng của các “sản phẩm” xuất khẩu giáo dục đại học của Phần Lan rất lớn và không nhất quán, vì hình thức hợp tác cũng như chương trình đào tạo phụ thuộc vào nhu cầu của các nước đối tác (xem Hình 3), bao gồm từ du lịch giáo dục, các gói đào tạo, công nghệ

giáo dục, tư vấn chính sách, trao đổi giáo viên, tham gia vào các dự án trường học và trường đại học ở nước ngoài và các chương trình chung. Một số hoạt động xuất khẩu dựa trên sáng kiến của các cá nhân hay đơn vị; một số dựa trên thể chế, hỗ trợ của Chính phủ; trong khi một số khác được điều phối giữa các tổ chức. Hai tổ chức bảo trợ quốc gia, Future Learning Finland1 và Team Finland2 đã được thành lập để kích thích xuất khẩu giáo dục. Mục tiêu của họ là kết nối các cơ sở giáo dục đại học của Phần Lan với khu vực tư nhân, các đại sứ quán và các cơ quan tư vấn bên ngoài.

Phần Lan đã tham gia vào việc phát triển hệ thống giáo dục hoặc cải cách giáo dục ở nước ngoài, nâng cao năng lực trong các trường học và hỗ trợ phát triển tại nhiều khu vực. Các dự án này tạo ra giá trị cho khách hàng về việc nâng cao trình độ giáo dục tại các nước sở tại, tạo ra của cải và đóng góp vào phúc lợi xã hội. Do đó, mô hình xuất khẩu giáo dục của Phần Lan luôn chú trọng đến vấn đề an sinh, phát triển bền vững của xã hội và hợp tác trong học tập. Người Phần Lan tin rằng, xuất khẩu giáo dục không chỉ để kiếm tiền mà còn là để thay đổi thế giới và đẩy mạnh việc học hỏi, hợp tác của các quốc gia.

Trường Đại học	Trường Bách khoa	Tổ chức dạy nghề
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp hạng / Công nhận</li> <li>- Khoa / Sinh viên</li> <li>- Nghiên cứu học thuật</li> <li>- Chính phủ tài trợ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giống nhau &amp; liên kết với nhau</li> <li>- Bảng cấp chuyên ngành</li> <li>- Phương pháp học tập thực tế</li> <li>- Chính phủ tài trợ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học Trộn Đồi</li> <li>- Thanh niên / Giáo dục người lớn</li> <li>- Tổ chức đa lĩnh vực</li> <li>- Thành phố / Tổ chức, v.v.</li> </ul>
Các công ty		Các tổ chức khác
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếp thị/Bán hàng</li> <li>- Tìm kiếm thị trường</li> <li>- Quản trị/Vận hành</li> <li>- Kết nối</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kỹ thuật số/Phần mềm</li> <li>- Khả năng mở rộng/Khả năng sinh lời</li> <li>- Quốc tế hoá</li> <li>- Linh động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ/Cơ quan quản lý của Phần Lan</li> <li>- Công chức</li> <li>- Xuất khẩu giáo dục chuyên nghiệp</li> <li>- Thông tin đầy đủ/Hướng dẫn rõ ràng</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức của sinh viên</li> <li>- Năng động &amp; Sức ảnh hưởng lớn</li> <li>- Mở rộng trong ý tưởng và giải pháp</li> </ul>

(Nguồn: Cheikh, 2015)

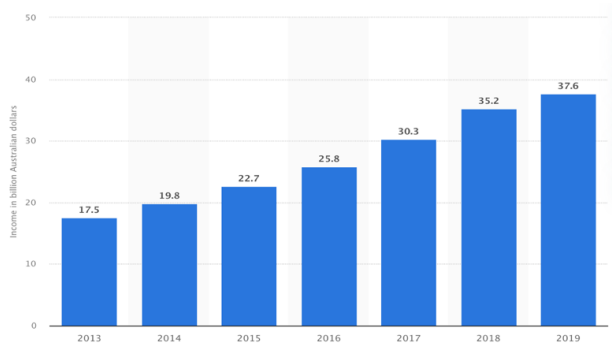
Hình 4: Các thành phần chính trong hoạt động xuất khẩu giáo dục đại học tại Phần Lan

Giáo dục Phần Lan là một sản phẩm tốt nhưng quá trình xuất khẩu lại rất phức tạp, đòi hỏi nhiều nguồn nhân lực và tài chính. Yếu tố quan trọng mang đến sự thành công cho xuất khẩu giáo dục đại học tại Phần Lan chính là sự rõ ràng, chủ động của các thành viên có liên quan (xem Hình 4). Vai trò của Chính phủ là khuyến khích những hoạt động xuất khẩu giáo dục bằng cách sắp xếp các chuyên tham cấp bộ trưởng và tăng cường xây dựng thương hiệu quốc gia. Các tổ chức thuộc Chính phủ sẽ thúc đẩy quốc tế hoá thông qua các buổi giao lưu kết nối cho các thành viên, tạo cảm hứng cho sự hợp tác, cộng tác và đối tác. Các trường đại học, cao đẳng tập trung vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và cung cấp các dịch vụ giáo dục ở nước ngoài; các công ty thực hiện tiếp thị, xây dựng mạng lưới, hợp tác,...



c. Úc

Úc nổi tiếng về việc cung cấp nền giáo dục đại học chất lượng cao và nghiên cứu hàng đầu trên thế giới. Từ năm 2013, thu nhập từ hoạt động xuất khẩu giáo dục đại học tại Úc tăng đều đặn mỗi năm (đạt mức 37,6 tỉ đô la Úc vào năm 2019) và trở thành mặt hàng xuất khẩu lớn thứ tư của quốc gia này sau quặng sắt, than và khí đốt (xem Hình 5). Thời kì hậu COVID-19, thị trường giáo dục quốc tế sẽ tiếp tục phát triển theo cấp số nhân trong thế kỉ này và Úc có lợi thế cạnh tranh thực sự so với bất kì quốc gia nào khác trên thế giới (Hunter 2020).



Nguồn: Statista Research Department, 2022

(Nguồn: Statista Research Department, 2022)

Hình 5: Thu nhập từ hoạt động xuất khẩu giáo dục quốc tế tại Úc giai đoạn 2013-2019

Ngoài đóng góp cho nền kinh tế quốc gia, xuất khẩu giáo dục giúp thiết lập mối quan hệ và hợp tác mạnh mẽ với các quốc gia khác, đồng thời củng cố mối quan hệ ngoại giao cũng như về kinh tế giữa Úc và phần còn lại của thế giới. Cộng đồng sinh viên quốc tế của Úc rất đa dạng và tài năng, với gần 200 quốc tịch đại diện. Năm 2019, 57% tổng số sinh viên quốc tế tại Úc đến từ năm quốc gia được xếp hạng là Trung Quốc (28%), Ấn Độ (15%), Nepal (7%), Brazil (4%) và Việt Nam (3%) (DESE, 2019). Dữ liệu này cũng cho thấy, tổng số sinh viên quốc tế đến từ Ấn Độ tăng đáng kể 30%, Nepal 25% và 4% từ Trung Quốc vào năm 2019 so với năm 2018.

Các chiến lược đóng góp vào thành công to lớn của Úc với tư cách là một nhà xuất khẩu giáo dục đại học hàng đầu trên thế giới, bao gồm: 1) Khả năng cao về cơ hội kết nối và triển vọng việc làm cũng như danh tiếng của quốc gia này như một điểm đến an toàn; 2) Các giá trị xã hội và hệ thống chăm sóc sức khỏe cũng được đánh giá cao đối với sinh viên quốc tế, đặc biệt là đối với sinh viên Trung Quốc; 3) Học bổng và các ưu đãi tài chính từ lâu đã được xác định là một công cụ quan trọng để thu hút người học. Chính phủ Úc và các tổ chức giáo dục đại học luôn chú trọng đến việc cấp học bổng, thiết kế các gói ưu đãi tài chính phù hợp cho sinh viên quốc tế (tổng giá trị khoảng 500 triệu đô la) (Mathur, 2016). Điều này đã mang lại hiệu quả

tích cực khi ngày càng nhiều sinh viên lựa chọn theo học tại các trường đại học của Úc, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Để giúp sinh viên từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Brazil và Indonesia chịu chi phí cao, Úc thực hiện các chương trình hỗ trợ như: Các khoản trợ cấp nhà ở, cắt giảm chi phí xin thị thực, đơn giản hoá quy trình nhận thị thực,... đang giúp các trường đại học của Úc hấp dẫn hơn so với các quốc gia khác.

2.2. Hàm ý chính sách cho xuất khẩu giáo dục đại học tại Việt Nam

Mối liên hệ giữa giáo dục đại học và phát triển kinh tế - xã hội được nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận và chứng minh trong nhiều thập kỉ. Cụ thể, giáo dục đại học hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bằng cách sau: 1) Đào tạo lực lượng lao động có kĩ năng và khả năng thích ứng; 2) Tạo ra kiến thức mới thông qua nghiên cứu cơ bản và ứng dụng; 3) Thúc đẩy đổi mới thông qua ứng dụng kiến thức và công nghệ được tạo ra và áp dụng. Sự tiến bộ của các nền kinh tế Đông Á trong những năm gần đây cho thấy mối quan hệ cộng sinh mạnh mẽ giữa giáo dục đại học, đổi mới và tăng trưởng kinh tế.

Tại Việt Nam, để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục đại học là một trong những chính sách hàng đầu, trong đó hội nhập và quốc tế hóa giáo dục đại học đã được quan tâm đặc biệt. Trong những năm gần đây, giáo dục đại học của Việt Nam đã đạt được tiến bộ, mang tính đột phá về chất lượng và nhận được sự công nhận quốc tế. Trong đó, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế giữa các trường đại học Việt Nam và các đối tác nước ngoài đã gia tăng về số lượng (khoảng 400 chương trình khác nhau với các đối tác tại hơn 30 quốc gia trên thế giới) và không ngừng cải thiện chất lượng. Ngày càng có nhiều cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và các ngành đào tạo đã được công nhận trong bảng xếp hạng các trường đại học uy tín nhất trên thế giới và ở Châu Á (03 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được ghi nhận trong Top 1000 trường đại học tốt nhất thế giới theo bảng xếp hạng của QS và Times Higher Education; 08 trường vào trong số 500 trường đại học tốt nhất Châu Á theo xếp hạng QS). Nhiều sinh viên quốc tế đã quyết định đến Việt Nam du học để trải nghiệm văn hóa và môi trường học tập mới (tổng cộng hiện nay có khoảng 21.000 sinh viên nước ngoài đang học tập tại Việt Nam, trong đó có gần 15.000 sinh viên học đại học và sau đại học).

Tuy giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được sự phát triển nhanh chóng nhưng ngay khi so với các quốc gia khác trong khu vực như Hàn Quốc, Đài Loan, Hong Kong, Singapore và gần đây là Trung Quốc thì vẫn còn khoảng cách rất lớn. Hàn Quốc là một trong những quốc gia có tỉ lệ tuyển sinh giáo dục đại học cao nhất trên thế giới, đồng thời có một số trường đại học chất

lượng cao xuất sắc trong nghiên cứu và đổi mới. Chính phủ Hong Kong dành khoảng 1/4 ngân sách hàng năm cho giáo dục và khoảng 1/4 số đó cho giáo dục đại học. Các chương trình tài trợ liên tục và tự tài trợ đã thực sự tạo ra một khu vực giáo dục đại học tư nhân sôi động và phục vụ một số lượng đáng kể sinh viên quốc tế. Kết quả giáo dục đại học ấn tượng của Trung Quốc được nhiều người biết đến. Năm 2003, có 9 trường đại học Trung Quốc nằm trong số 500 trường đại học hàng đầu trong bảng xếp hạng các trường đại học toàn cầu thì đến năm 2016, 54 trường đại học đã thuộc vào top 500, trong đó có hai trường trong Top 100 (Bắc Kinh và Thanh Hoa). Đối với hoạt động xuất khẩu giáo dục đại học của Việt Nam, mặc dù những kết quả ban đầu được xem là khả quan, có bước phát triển nhưng với môi trường cạnh tranh ngày càng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghệ thì cần phải từng bước khắc phục những hạn chế đang tồn tại, đồng thời vạch ra những định hướng, giải pháp phù hợp như sau:

1/ *Cải thiện môi trường chính sách*: Môi trường chính sách mà các cơ sở giáo dục đại học vận hành là một yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả. Đóng góp vào thành công trong xuất khẩu giáo dục đại học ở Phần Lan chính là sự rõ ràng trong quản lý của các đơn vị có liên quan. Tuy nhiên, tại Việt Nam thì lại phân tán trách nhiệm quản lý qua nhiều bộ, ngành và tỉnh thành chủ quản. Chính điều này dẫn đến tính chia cắt về trách nhiệm quản lý nhà nước; thiếu tính thống nhất trong kiểm tra, giám sát; nhiều văn bản ban hành còn chồng chéo;... gây ra tình trạng tắc nghẽn trong phát triển hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2/ *Nâng dần tỉ trọng đầu tư của Chính phủ vào giáo dục đại học*. Có thể thấy, nhiều quốc gia trên thế giới được đánh giá cao về hệ thống giáo dục đại học và có nguồn thu lớn từ xuất khẩu dịch vụ này đã nhận được sự đầu tư lớn từ Chính phủ trong một thời gian dài. Vì vậy, để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các trường đại học đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng giảng viên thì Chính phủ cần từng bước nâng tỉ trọng tài trợ công cho giáo dục đại học từ 0,23% GDP hiện tại lên ít nhất 0,8% GDP vào năm 2030.

3/ *Việt Nam nên bắt đầu bằng việc xây dựng một chương trình nghiên cứu mạnh mẽ với các trường đại học nghiên cứu là những người đóng vai trò quan trọng*. Dễ dàng nhận thấy, đây là một yếu tố quan trọng giúp các trường đại học nâng cao uy tín, đạt thứ hạng cao trên bảng xếp hạng của thế giới và nhận được sự quan tâm của sinh viên quốc tế đến Việt Nam. Vì vậy, cần định hướng bao nhiêu trường đại học chuyên sâu về nghiên cứu mà Chính phủ sẽ cam kết tài trợ đầy đủ về lâu dài. Các khoản đầu tư chiến lược của Chính phủ Việt Nam vào các trường đại học trọng điểm trong nước và khu vực là bước đầu tiên quan trọng theo hướng đó.

4/ *Chính phủ, các cơ quan quản lý, các trường đại học cần định hướng rõ ràng về kết nối với doanh nghiệp*

*toàn cầu để tăng cơ hội việc làm cho sinh viên*. Các quốc gia như Úc và Canada, giúp sinh viên tốt nghiệp quốc tế dễ dàng ở lại làm việc và thực hiện chế độ ưu tiên cho họ hơn những người nhập cư khác. Nước Anh cũng giới thiệu một thị thực tài năng toàn cầu để theo dõi nhanh những du học sinh có nhu cầu học tập trong các lĩnh vực có nhu cầu nhập cư vào nước này.

5/ *Đẩy mạnh hợp tác giáo dục quốc tế, khai thác tối đa nguồn nhân lực tiềm năng trong khu vực, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra khắp thế giới*. Để nâng cao hiệu quả của quá trình tuyển dụng sinh viên quốc tế, nên sử dụng các chiến lược đã được các tổ chức trên toàn thế giới áp dụng rộng rãi như là thành lập các văn phòng đại diện, hợp tác với các đại lý tuyển sinh tại các quốc gia khác, đặc biệt là tại các nước có mối quan hệ lâu dài với Việt Nam.

5/ *Quốc tế hóa giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học Việt Nam*. Đây là những mục tiêu quan trọng đối với hầu hết các cơ sở giáo dục đại học khi muốn mở rộng thị trường sang các quốc gia khác và thu hút du học sinh quốc tế. Quốc tế hoá bao gồm nâng cao tiêu chuẩn chất lượng (đặc biệt là chất lượng của giảng viên vì là một yếu tố chất lượng then chốt khi hoạt động tập trung kiến thức và kích thích học tập đòi hỏi sự tương tác dựa trên sự tin cậy giữa nhà cung cấp giáo dục và người nhận) và mức độ phù hợp toàn cầu, thu hút sinh viên, thúc đẩy quá trình mở rộng biên giới kiến thức thông qua nghiên cứu và trải nghiệm.

### 3. Kết luận

Việt Nam là một trong số ít những quốc gia trên thế giới đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế. Điều này được thúc đẩy bởi việc cải tiến hệ thống giáo dục trong thời gian qua, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục đại học. Trong khi các trường đại học công lập với lịch sử hình thành lâu đời, nơi cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực với chất lượng tốt và chi phí phù hợp thì khu vực tư nhân cũng đang phát triển cực kì mạnh mẽ với nhiều chương trình đào tạo, hợp tác quốc tế đa dạng, đặc biệt gắn liền với các doanh nghiệp sử dụng lao động. Thêm vào đó, các nguồn lực hỗ trợ từ Chính phủ và định hướng của các trường dành cho đào tạo nhân sự cũng như tài trợ cho nghiên cứu và phát triển ngày càng tăng, góp phần vào thành công cho giáo dục đại học của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, so với các quốc gia khác, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức nhất định trong đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội như hướng đến việc gia tăng nguồn thu từ xuất khẩu giáo dục đại học. Để vượt qua được những thách thức, bắt kịp thì rất cần sự phối hợp đồng bộ, hỗ trợ kịp thời và định hướng phù hợp giữa các đơn vị có liên quan trong thời gian tới.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Schatz, M. (n.d.), *EDUCATION AS FINLAND'S HOTTEST EXPORT? A Multi-Faceted Case Study on Finnish National Education Export Policies*, 110.
- [2] Bhushan, S. (2004), *Trade in Education Services under GATS: Implications for Higher Education in India*, *Economic and Political Weekly*, 39, 2395–2402, <https://doi.org/10.2307/4415124>.
- [3] *China.pdf*. (n.d.-a), Retrieved April 13, 2022, <https://cnx.org/resources/02a2854aba84c6d119b270f67a3a1b98bf2b259a/China.pdf>.
- [4] Ewing, L.-A. (2021), *Rethinking Higher Education Post COVID-19*, In J. Lee & S. H. Han (Eds.), *The Future of Service Post-COVID-19 Pandemic*, Volume 1, pp.37–54, Springer Singapore, [https://doi.org/10.1007/978-981-33-4126-5\\_3](https://doi.org/10.1007/978-981-33-4126-5_3).
- [5] Hoa, N. T. P. (n.d.), *Chapter 5 Sustainable Education Development under Globalization, and the Reforms of Teaching and Learning Methods in Teacher Training*, 29.
- [6] Holroyd, C. (2020), *Hong Kong, Special Administrative Region of the People's Republic of China*, In C. Holroyd, *Introducing East Asia*, 1st ed., pp.161–178, Routledge, <https://doi.org/10.4324/9781315684697-6>.
- [7] *Improving-the-Performance-of-Higher-Education-in-Vietnam-Strategic-Priorities-and-Policy-Options.pdf*. (n.d.-a), Retrieved June 2, 2022, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/347431588175259657/pdf/Improving-the-Performance-of-Higher-Education-in-Vietnam-Strategic-Priorities-and-Policy-Options.pdf>.
- [8] Larsen, K., Martin, J. P., & Morris, R. (2002), *Trade in Educational Services: Trends and Emerging Issues*, *The World Economy*, 25(6), 849–868, <https://doi.org/10.1111/1467-9701.00466>.
- [9] Mai, T. Q. L. (2015), *Graduates in the New World of Work in Vietnam: A study of the experiences of young graduates working in INGOs* [PhD Thesis, The University of Queensland], <https://doi.org/10.14264/uql.2015.281>.
- [10] Mazzarol, T., & Hosie, P. (1996), *Exporting Australian higher education: Future strategies in a maturing market*, *Quality Assurance in Education*, 4(1), 37–50, <https://doi.org/10.1108/09684889610108039>.
- [11] Niu, C. (2014), *China's educational cooperation with Africa: Toward new strategic partnerships*, *Asian Education and Development Studies*, 3(1), 31–45, <https://doi.org/10.1108/AEDS-09-2013-0057>.
- [12] Pham, H.-H., Vuong, Q.-H., Dong, T.-K.-T., Nguyen, T.-T., Ho, M.-T., Vuong, T.-T., Hoang, A.-D., & Nguyen, M.-H. (2021), *The Southern World as a Destination of International Students: An Analysis of 50 Tertiary Education Institutions in Vietnam*, *Journal of Contemporary Eastern Asia*, 20(1), 24–43, <https://doi.org/10.17477/JCEA.2021.20.1.024>.
- [13] Phillips, M. W., & Stahl, C. W. (2001), *International Trade in Higher Education Services in the Asia Pacific Region: Trends and Issues*, *Asian and Pacific Migration Journal*, 10(2), 273–301, <https://doi.org/10.1177/011719680101000203>.
- [14] Phung, T., & HA, P. (2021), *Higher Education in Vietnam and a New Vision for Internationalization at Home Post COVID-19*, pp.235–256, [https://doi.org/10.1007/978-981-16-5055-0\\_13](https://doi.org/10.1007/978-981-16-5055-0_13).
- [15] Asian Development Bank, (2020), *Viet Nam Technical and Vocational Education and Training Sector Assessment* (0 ed.), Asian Development Bank, <https://doi.org/10.22617/TCS200002-2>.
- [16] Shafiq, M. N - Toutkoushian, R. K. (n.d.), *Who Benefits from Higher Education in Low- and Middle-Income Countries?*, 44.
- [17] *U21\_Rankings\_Report\_0320\_Final\_LR\_Single.pdf*. (n.d.-b), Retrieved May 24, 2022, [https://universitas21.com/sites/default/files/2020-04/U21\\_Rankings%20Report\\_0320\\_Final\\_LR%20Single.pdf](https://universitas21.com/sites/default/files/2020-04/U21_Rankings%20Report_0320_Final_LR%20Single.pdf).
- [18] Vanhanen, R. (n.d.), *Export of Education by Finnish Universities of Applied Sciences. Reflections on best practices*, 151.
- [19] Williams, R., & Leahy, A. (n.d.), *Ranking of National Higher Education Systems 2019*, 27.

## HIGHER EDUCATION EXPORT IN THE WORLD AND THE DIRECTION FOR VIETNAM

### Doan Thi Thanh Hoa

Email: hoaddt@ueh.edu.vn  
 University of Economics Ho Chi Minh City  
 01B Nguyen Trung Truc, Ward 8, Vinh Long city,  
 Vinh Long province, Vietnam

**ABSTRACT:** Education export is a newly developed field in international trade, including higher education. Many developed countries in the world have had an important source of income from higher education exports with various forms of cooperation. Over the past time, universities in Vietnam have made great efforts to improve the quality of teaching and research and gain recognition from prestigious ranking organizations in the world to step by step promote the export of higher education institutions. It can be seen that the educational export provided by our country has a special advantage in some aspects, but it is far behind the developed countries in this field. The article analyzes the aspects related to higher education export models of countries around the world, thereby proposing appropriate directions for the coming period.

**KEYWORDS:** Education export, higher education, the world, Vietnam.